

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Nền móng công trình

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGÔ THỊ THANH HƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 04-12-1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Nam Hồng - Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P102 - B2 khu tập thể Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, số 54 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP. Hà nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Ngô Thị Thanh Hương, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, số 54 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP. Hà nội

Điện thoại di động: 098.920.7688; E-mail: huongntt@utt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2000 đến 05/2007: Giảng viên Tổ môn Cầu cảng, Khoa Công trình, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải (nay là Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải).

Từ 06/2007 đến 08/2011: Giảng viên, Tổ trưởng Tổ môn Cơ học đất - Vật liệu xây dựng, Khoa Công trình, Trường Cao đẳng Giao thông vận tải (nay là trường Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải).

Từ 09/2011 đến 07/2012: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Cơ học đất - Vật liệu xây dựng, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Từ 08/2012 đến 04/2015: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Địa kỹ thuật, Phó trưởng Khoa Công trình, trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 05/2015 đến 03/2018: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Địa kỹ thuật, Phó trưởng Khoa Công trình, phụ trách khoa, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Từ 04/2018 đến 11/2018: Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Địa kỹ thuật, Phó trưởng Khoa Công trình, phụ trách khoa, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Từ 12/2018 đến 02/2019: Giảng viên chính, Phó trưởng Khoa Công trình, phụ trách khoa, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Từ 03/2019 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa Công trình; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

Địa chỉ cơ quan: 54 Triều Khúc, Thanh Xuân, Thanh Xuân Nam, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243.8544264; Fax: 0243.8547695.

8. Chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 07 năm 2000, Ngành Xây dựng Cầu - Đường, Chuyên ngành Xây dựng Cầu Đường Bộ (Pháp).

Nơi cấp bằng ĐH: Trường đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 01 năm 2006, Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Chuyên ngành Xây dựng Cầu Hàm.

Nơi cấp bằng ThS: Trường đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 03 năm 2013, Ngành Xây dựng sân bay

Nơi cấp bằng TS: Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam

10. Đã được công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Xây dựng mô hình mới xác định trạng thái ứng suất trong đất và ứng dụng nghiên cứu, tính toán các bài toán Địa kỹ thuật xây dựng.

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vật liệu, tính toán thiết kế và xây dựng nền móng công trình;

+ Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các bài toán Địa kỹ thuật xây dựng, công trình giao thông.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Đã hướng dẫn chính 07 HVCH và hướng dẫn phụ 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và đã được cấp bằng.

- Đã chủ trì 01 đề tài NCKH cấp Bộ GTVT; 01 đề tài nhánh NCKH cấp Nhà nước.

- Đã công bố 29 bài báo khoa học, trong đó có 11 bài báo tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus, ISSN và 18 bài báo tạp chí chuyên ngành trong nước có mã số ISSN.

- Số lượng sách đã xuất bản: 03 cuốn sách.

15. Khen thưởng:

Bằng khen của BCH Công đoàn GTVT Việt Nam, năm 2010: “Đạt giải ba trong hội thi Giáo viên dạy nghề giỏi Ngành Giao thông vận tải năm 2010. Quyết định số 82/QĐ-CĐN ngày 19 tháng 8 năm 2010.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, năm 2012: “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2011-2012”. Quyết định số 2320/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 9 năm 2012.

Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, năm 2012: “Đảng viên trẻ xuất sắc tiêu biểu thành phố Hà nội”. Quyết định số 250 QĐ/TWĐTN ngày 20 tháng 4 năm 2012.

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Ngành Giao thông vận tải”, năm 2014: “Đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua ngành giai đoạn 2011-2013”. Quyết định số 3759/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2014.

16. Kỷ luật: Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Hoàn thành tốt công tác giảng dạy đại học và sau đại học. Tham gia hướng dẫn luận văn cao học với lòng nhiệt tình và trách nhiệm cao. Tích cực trong tham gia nghiên cứu khoa học các đề tài của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, của Bộ Giao thông vận tải và của Nhà nước. Tích cực viết và công bố các công trình khoa học có chất lượng, tham gia hội đồng nghiệm thu đề tài, giáo trình, tài liệu giảng dạy.

Hoàn thành tốt công tác quản lý đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của khoa. Chủ trì và tham gia xây dựng mới và điều chỉnh các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, xây dựng đề cương các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra theo hướng ứng dụng của chương trình đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động.

Tích cực trong công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên. Năng động trong triển khai hoạt động đào tạo gắn với NCKH và thực tiễn sản xuất cũng như hợp tác quốc tế trong đào tạo.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với vai trò là trưởng nhóm đối tác môn học “Cơ học đất” dự án JICA- Nhật Bản trong triển khai tăng cường năng lực đào tạo cho Trường Đại học Công nghệ GTVT chuyên ngành Xây dựng đường bộ cao tốc.

Chủ trì, tham gia hội nghị, hội thảo cấp khoa, cấp trường về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đào tạo để đáp ứng
với yêu cầu ngày càng cao của chất lượng trong đào tạo đại học, hội nhập quốc tế.

Có uy tín với sinh viên, đồng nghiệp và ngành giao thông vận tải. Tâm huyết, yêu nghề,
giản dị, đúng mực và nghiêm túc trong các nhiệm vụ quản lý, đào tạo, xứng đáng với nghề
giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng thâm niên đào tạo 11 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn
nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017					224	30	254/284/189
2	2017-2018			01 HD chính		150	135	285/375/189
3	2018-2019			02 HD chính, 01 HD phụ		180	133,5	313,5/343,5/189
3 năm học cuối								
4	2019-2020			03 HD chính, 01 HD phụ		129	238,5	367,5/457,5/189
5	2020-2021			01 HD chính, 01HD phụ		105	174,17	219,17/279,17/189
6	2021-2022			01 HD chính, 01HD phụ		105	221,67	236,67/326,67/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo
Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư
số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của
Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban
hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học
ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định
mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Anh: Đại học Thái Nguyên, đã được công nhận tốt nghiệp theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2022 của giám đốc Đại học Thái nguyên.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ;

Diễn giải: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ tiếng Anh phục vụ chuyên môn, đào tạo; Là trưởng nhóm đối tác môn học Cơ học đất dự án JICA, sử dụng tiếng Anh trong toàn bộ quá trình triển khai, thực hiện dự án từ năm 2010 đến 2013 với các chuyên gia Nhật Bản; Được cử đi học tập thực tế về đường cao tốc tại Nhật Bản; Được cấp chứng chỉ của cơ quan hợp tác kỹ thuật Singapore và cơ quan hợp tác quốc tế Thái lan khóa học về “Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị”, học bằng tiếng Anh; Tham gia và trình bày báo cáo tại hội thảo quốc tế lần thứ 5 về địa kỹ thuật, kết cấu và xây dựng Cigos 2019; Được cấp chứng chỉ của cơ quan hợp tác quốc tế Thái lan, cơ quan hợp tác quốc tế Thái lan và tổng cục đường bộ Thái Lan khóa học về “Phát triển hạ tầng giao thông đường bộ quốc tế cho các nước ASEAN và BIMSTEC”, học bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiếng Anh B2.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Bùi Mạnh Lược		x	x		Đợt tháng 12/2014	Học viện kỹ thuật Quân sự	15/01/2016
2	Trần Hồng Linh		x	x		4/2017-9/2017	Trường Đại học Công nghệ GTVT	27/4/2018
3	Lưu Thi Hương Giang		x		x	12/2017-6/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	18/3/2019
4	Nguyễn Quang Khoát		x	x		5/2018-11/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	18/3/2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
5	Nguyễn Thành Trung		x		x	5/2018-11/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	18/3/2019
6	Phạm Hữu Tân		x	x		01/2018-6/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/10/2019
7	Hoàng Công Khôi		x	x		11/2018-5/2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/11/2019
8	Trần Hồng Long		x		x	11/2018-5/2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/11/2019
9	Đình Văn Bá		x	x		11/2018-5/2019	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/11/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ							
1	Cơ học đất	GT	Nhà XBXD, số XB: 3004-2017/CXBIPH/02-155/XD, QĐ số: 171-2017/QĐ-XBXD ngày 11/09/2017, ISBN: 978-604-82-2257-4, năm 2017	2	Chủ biên	Chủ biên và biên soạn (11-47; 49-82; 85-106; 107-164; 187-211; 239-273)	Giấy xác nhận của trường Đại học Công nghệ GTVT ngày 21 tháng 6 năm 2022
2	Địa kỹ thuật công trình	GT	Nhà XBKHTN&CN, số XB: 995-2019/CXBIPH/02-09/KHTNVCN, QĐ số: 18/QĐ-	2	Chủ biên	Chủ biên và biên soạn (11-52; 137-146; 223-244; 341-380)	Giấy xác nhận của trường Đại học Công nghệ GTVT ngày 21 tháng 6 năm 2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
			KHTNCN ngày 10/05/2019, ISBN: 978-604-913-816-4, năm 2019				
3	Nền và móng	GT	Nhà XBKHTN&CN, số XB: 2558-2020/CXBIPH/95-35/KHTNVN, QĐ số: 53/QĐ-KHTNCN ngày 03/7/2020, ISBN: 978-604-9955-50-1, năm 2020	4	Tham gia	Biên soạn (150-187)	Giấy xác nhận của trường Đại học Công nghệ GTVT ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ					
1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ neo trong đất để gia cố đê biển sử dụng làm nền đường ô tô ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	CN đề tài nhánh	KHCN-BĐKH/11-15	1/2013-12/2015	BB đánh giá kết quả ngày 30 tháng 12 năm 2015. Đạt mức xếp loại trung bình.
2	Nghiên cứu thiết kế chế tạo bê tông cốt liệu nhẹ và đề xuất	CN	DT184012	1/2018-6/2019	BB nghiệm thu ngày 9/5/2019. Đạt mức B. QĐ xác nhận hoàn thành 9281/BGTVT-KHCN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	sử dụng cho công trình giao thông				ngày 02 tháng 10 năm 2019

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Tính toán ổn định nền công trình đường khi sử dụng vải địa kỹ thuật	1	x	Tạp chí Địa kỹ thuật, ISSN-0868-279X			Số 4, trang 57-59	2007
2	Nghiên cứu trạng thái ứng suất trong lăng trụ cát do tác dụng của trọng lượng bản thân	1	x	Tạp chí Cầu đường Việt nam, ISSN 1859-459X			Số 8, trang 34-39	2011
3	Nghiên cứu trạng thái ứng suất do tác dụng của tải trọng ngoài bằng sai phân hữu hạn	1	x	Tạp chí Cầu đường Việt nam, ISSN 1859-459X			Số 5, trang 19-22	2011
4	Nghiên cứu tính toán tải trọng tới hạn của nền đất	1	x	Tạp chí Địa kỹ thuật, ISSN-0868-279X			Số 2, trang 56-61	2011
5	Nghiên cứu trạng thái ứng suất tự nhiên của nền đất	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN 2345-0818			Số tháng 3, trang 34-35	2011
II. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
6	Tiêu chuẩn Mohr-Coulomb	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải,			Số đặc biệt,	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	mở rộng có xét đến độ chặt phá hoại của đất mặt trượt			ISSN 2345-0818			trang 169-171	
7	A Novel Hybrid Model of Rotation Forest Based Functional Trees for Landslide Susceptibility Mapping: A Case Study at Kon Tum Province, Vietnam	6		Advances and Applications in Geo-spatial Technology and Earth Resources (SPRINGER book chapter)			Pages 186-201	2017
8	Xác định tải trọng giới hạn trong bài toán Prandtl bằng phương pháp sai phân hữu hạn thông qua Matlab và Flac2D	2	x	Tạp chí Địa kỹ thuật, ISSN-0868-279X			Số 4, trang 10-17	2018
9	Nghiên cứu ảnh hưởng của cọc đất xi măng đến khả năng chịu lực của tường vây	2		Tuyển tập CTKH Hội nghị cơ học toàn quốc lần thứ X, NXB LHTN&CN, ISBN 978-604-913-752-5			Tập 2, trang 772-780	2018
10	Modeling of Determination of Effective Stress of Soil	2	x	International Journal of Applied Engineering Research, ISSN 0973-4562 (India)			Volume 13, Number 10 (2018) pp. 7508-7515	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
11	Calculation of Instability of Retaining Wall Of Roads Influenced By Groundwater Level	2	x	International Journal of Civil Engineering and Technology (IJCIET)			Volume 9, Issue 1, January 2018, pp. 462–471.	2018
12	Development of Artificial Intelligence Models for the Prediction of Compression Coefficient of Soil: An Application of Monte Carlo Sensitivity Analysis	17		Science of the Total Environment (Netherlands)	SCIE-ISI, IF = 4.61, Q1		Volume 679, 20 August 2019, pp 172-184 pp172-184	2019
13	Nghiên cứu thực nghiệm ứng xử dính bám của bê tông cốt liệu nhẹ và cốt thép	4		Tạp chí kết cấu và công nghệ xây dựng, ISSN 1859.3194			Số 29, trang 22-28	2019
14	Quy trình công nghệ chế tạo và thi công bê tông cốt liệu nhẹ trong điều kiện Việt Nam	4		Tạp chí Cầu đường Việt Nam, ISSN 1859-459X			Số 1+2, trang 40-44	2019
15	Chuyển vị tường vây cho hố đào sâu trong điều kiện địa chất Hà nội	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN 2345-0818			Số 8, trang 46-49	2019
16	Analyses on drainage capacity and sliding resistance of large diameter	4		CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure, “Lecture Notes			CIGOS 2019, Springer, Singapore, pp 659-664	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	vertical wells for deep-seated landslide stabilization			in Civil Engineering”				
17	Study on Cement-Treated Soil with RoadCem Additive in Construction of Rural Roads: A Case Study in Viet Nam	5	x	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure, “Lecture Notes in Civil Engineering”			CIGOS 2019, Springer, Singapore, pp 859-864.	2019
18	Early Warning Systems of Flash floods and Debris Flows in Viet Nam: A Review	3	x	Geotechnics for Sustainable Infrastructure Development. Lecture Notes in Civil Engineering			Volume 62. Springer, Singapore, pp: 1233-1240.	2019
19	Đánh giá ảnh hưởng của lún bề mặt khi thi công tàu điện ngầm bằng máy TBM đến công trình hiện hữu	2		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN 2345-0818			Số 11, trang 33-37	2019
20	Nghiên cứu ứng dụng phụ gia nano organosilane và nano polimer kết hợp xi măng gia cố đất sử dụng cho công trình giao thông	2		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN 2345-0818			Số 3, trang 54-58	2020
21	Tổng quan về sự phá hoại bê tông do nhiệt	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN 2345-0818			Số 4, trang 30-33	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
22	Nghiên cứu ảnh hưởng thành phần hỗn hợp đất nhẹ gia cố bằng xi măng, bột khí và lưới đánh cá thải đến cường độ kháng nén không nở hông	1	x	Tạp chí khoa học công nghệ xây dựng, ISSN1859-1566			Số 2, trang 62-68	2020
23	Đánh giá giải pháp giềng cát bọc vải trong xử lý nền đất yếu	3	x	Tạp chí Địa kỹ thuật, ISSN-0868-279X			Số 3, Trang 35-43	2020
24	Dự đoán lún của nền đường đầu cầu trên đất yếu gia cố bằng cọc cát đầm chặt	1	x	Tạp chí Địa kỹ thuật, ISSN-0868-279X			Số 3, Trang 75-80	2020
25	Application of Artificial Intelligence to Determined Unconfined Compressive Strength of Cement-Stabilized Soil in Vietnam	4	x	Applied Sciences	SCIE-ISI, IF = 2.474, Q1		Volume 7 no. 4 (2021).	2021
26	Utilization phosphogypsum as a construction material for roadbase: A case study in Vietnam	4	x	Innovative Infrastructure Solutions	ESCI-ISI, IF=1.965, Q2		Volume 7, 88 (2022)	2021
27	Phương pháp số trong dự báo lún bề mặt khi xây dựng đường hầm đặt nông	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN 2345-0818			Số 12, trang 66-70	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	bằng công nghệ TBM							
28	Prediction of Flash flood Susceptibility of Hilly Terrain Using Deep Neural Network: A Case Study of Vietnam	10	x	CMES-Computer Modeling in Engineering & Sciences	SCIE-ISI, IF = 1.593, Q3		Đã được chấp thuận đăng bài	2022
29	Development and application of hybrid artificial intelligence models for groundwater potential mapping and assessment	10	x	Vietnam Journal of Earth Sciences	ESCI-Scopus, Q2		Online First	2022

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **04** bài báo ISI, Scopus và **04** bài báo tạp chí quốc tế. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

...					
-----	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Quản lý xây dựng	Tham gia	QĐ số 1160/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2017	Trường đại học công nghệ GTVT	QĐ số 1962/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 14 tháng 7 năm 2017	
2	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tham gia	QĐ số 1167/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18 tháng 4 năm 2018	Trường đại học công nghệ GTVT	QĐ số 2164/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 10 tháng 7 năm 2018	
3	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Kỹ thuật công trình đặc biệt	Tham gia	theo QĐ số 1168/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18 tháng 4 năm 2018	Trường đại học công nghệ GTVT	QĐ số 2164/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 10 tháng 7 năm 2018	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Ngô Thị Thanh Hương